



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN PHÍA NAM
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THĂNG LONG

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THĂNG LONG

**Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019**

Đơn vị kiểm toán :

CÔNG TY DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)
29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (028) 38.205.944 - Fax: (028) 38.205.942

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THẮNG LONG

Địa chỉ: L14 – 08B, Tầng 14, Trung tâm Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	06 - 08
- Kết quả hoạt động kinh doanh	09
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
- Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	11
- Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 21

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thăng Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019.

Công ty

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thăng Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tên giao dịch quốc tế là THANG LONG FUND MANAGEMENT JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là TLC. Công ty thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 43/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11/11/2008.

Vốn Điều lệ của Công ty theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 43/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11/11/2008 và Giấy phép điều chỉnh số 02/GPĐC-UBCK ngày 16/01/2015 là: 37.000.000.000 VND.

Công ty hoạt động trong lĩnh vực quản lý quỹ đầu tư, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị

Thực hiện nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 20/11/2019, Công ty đã miễn nhiệm Hội đồng Quản trị trước đó và bổ nhiệm các thành viên Hội đồng Quản trị mới theo danh sách:

Họ tên	Chức danh
Ông Song Sang Jong	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hồ Nam	Thành viên
Ông Kim Kwang Hyuk	Thành viên
Ông Song Sang Jun	Thành viên
Ông Lee Seung Chul	Thành viên
Ông Chung Sang Jun	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc

Họ tên	Chức danh	
Ông Kim Kwang Hyuk	Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21/11/2019
Ông Nguyễn Hồ Nam	Tổng giám đốc	Miễn nhiệm ngày 21/11/2019
Ông Đinh Hoài Châu	Phó Tổng giám đốc	Miễn nhiệm ngày 20/11/2019

Các thành viên của Ban Kiểm soát

Thực hiện nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 20/11/2019, Công ty đã miễn nhiệm Ban Kiểm soát trước đó và bổ nhiệm các thành viên Ban Kiểm soát mới theo danh sách:

Họ tên	Chức danh
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Trưởng ban
Ông Kim Yong Hwan	Thành viên
Bà Nguyễn Hoàng Tường Vi	Thành viên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính này đòi hỏi cần được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019 của Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được áp dụng được tuân thủ đầy đủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Công ty Quản lý Quỹ và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

TP.HCM, ngày 20 tháng 03 năm 2020

IM Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Kim Kwang Hyuk

Số 216/BCKT/TC/2020/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THĂNG LONG

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019 đính kèm theo của Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Thăng Long được lập ngày 02/03/2020 từ trang 06 đến trang 21, bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo biến động vốn chủ sở hữu và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám Đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán của Việt Nam áp dụng cho Công ty Quản lý Quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính của **Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Thăng Long** đã phản ánh trung thực và hợp lý trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả kinh doanh, tình hình biến động nguồn vốn chủ sở hữu và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành áp dụng cho Công ty Quản lý Quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP.HCM, ngày 20 tháng 3 năm 2020

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM**

Phó Tổng Giám đốc



ĐỖ KHẮC THANH

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0064-2018-142-1

Kiểm toán viên

NGUYỄN VŨ

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0699-2018-142-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN LƯU ĐỘNG	100		29.426.789.461	30.987.303.773
I. Tiền và tương đương tiền	110	V.01	28.976.514.899	5.115.194.283
1. Tiền	111		28.976.514.899	5.115.194.283
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Đầu tư ngắn hạn	120	V.02	690.158	24.000.702.158
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.168.696	24.001.168.696
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(478.538)	(466.538)
III. Các khoản phải thu	130		449.584.404	1.871.407.332
1. Phải thu khách hàng	131	V.03		1.717.583.332
2. Trả trước cho người bán	132	V.04		
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	V.05		106.400.000
5. Các khoản phải thu khác	135	V.06	449.584.404	47.424.000
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	V.05		
IV. Hàng tồn kho	140			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150			
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154			
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157			
5. Tài sản ngắn hạn khác	158			
B. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI	200		40.498.686	
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn khách hàng	211			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220			
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07		
- Nguyên giá	222			127.012.499
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223			(127.012.499)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.08		
- Nguyên giá	228			96.081.549
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			(96.081.549)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230			
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.09		
1. Đầu tư vào công ty con	251			
3. Đầu tư dài hạn khác	258			
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	259			
IV. Tài sản dài hạn khác	260		40.498.686	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		40.498.686	
3. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		29.467.288.147	30.987.303.773



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A . NỢ PHẢI TRẢ	300		47.131.883	872.425.643
I. Nợ ngắn hạn	310		47.131.883	872.425.643
1. Vay ngắn hạn	311			
2. Phải trả người bán	312			
3. Người mua trả trước	313			
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	8.626.884	84.267.686
5. Phải trả người lao động	315		830.000	333.400.000
6. Chi phí phải trả	316	V.11	30.000.000	417.000.000
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.12	7.674.999	37.757.957
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323			
11. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327			
12. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328			
II. Nợ dài hạn	330			
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
10. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359			
B . VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		29.420.156.264	30.114.878.130
1. Nguồn vốn kinh doanh	411		37.000.000.000	37.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417			
8. Quỹ dự phòng tài chính	418			
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(7.579.843.736)	(6.885.121.870)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		29.467.288.147	30.987.303.773

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001			
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002			
3. Tài sản nhận ký cược	003			
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004			
5. Ngoại tệ các loại	005			
6. Chứng khoán lưu ký của Công ty quản lý quỹ	006		390.000	340.000
Trong đó:				
6.1. Chứng khoán giao dịch	007		390.000	340.000
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	008			
6.3. Chứng khoán cầm cố	009			
6.4. Chứng khoán tạm giữ	010			
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	011			
6.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	012			
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	013			
6.8. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	014			
6.9. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	015			
7. Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty quản lý quỹ	020		-	24.000.000.000
8. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030		959.620	1.273.752
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		959.620	1.273.752
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	032			
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040		-	-
9.1. Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041	VII.21		-
9.2. Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	042			
10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050		6.840.000.000	6.840.000.000
11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051		6.840.000.000	6.840.000.000

TP.HCM, ngày 02 tháng 03 năm 2020

Người lập bảng

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Trương Thị Huyền

Trương Thị Huyền

Kim Kwang Hyuk

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu	01		-	166.666.666
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10	VI.13	-	166.666.666
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11	VI.14	-	92.757.662
5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		-	73.909.004
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.15	1.085.378.099	1.557.940.862
7. Chi phí tài chính	22	VI.16	7.616.924	90.402
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.17	1.857.674.788	1.506.808.781
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-25}	30		(779.913.613)	124.950.683
10. Thu nhập khác	31		85.191.747	1.000
11. Chi phí khác	32		-	-
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		85.191.747	1.000
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(694.721.866)	124.951.683
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.18	-	26.887.659
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		(694.721.866)	98.064.024
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.19	(188)	27

Người lập bảng



Trương Thị Huyền

Kế toán trưởng



Trương Thị Huyền

TP.HCM, ngày 02 tháng 03 năm 2020

Tổng Giám đốc



Kim Kwang Hyuk

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		106.400.000	166.666.667
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(1.254.531.649)	(378.579.052)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.305.171.791)	(1.130.606.585)
4. Tiền chi trả lãi vay	04			
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(26.887.659)	(238.702.669)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		31.573.941.008	10.042.115.004
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(5.232.429.293)	(7.669.008.344)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		23.861.320.616	791.885.021
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
3. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia	27			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30			
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, trái phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40			
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		23.861.320.616	791.885.021
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		5.115.194.283	4.323.309.262
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		28.976.514.899	5.115.194.283

TP.HCM, ngày 02 tháng 03 năm 2020

Người lập bảng



Trương Thị Huyền

Kế toán trưởng



Trương Thị Huyền

Tổng Giám đốc



Kim Kwang Hyuk

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THĂNG LONG

Địa chỉ: L14 – 08B, Tầng 14, Trung tâm Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số đầu năm		Số tăng/(giảm)		Số cuối kỳ	
	Ngày 01/01/2019	Ngày 01/01/2018	Năm nay	Năm trước	Ngày 31/12/2019	Ngày 31/12/2018
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	37.000.000.000	37.000.000.000			37.000.000.000	37.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần						
3. Vốn khác của chủ sở hữu						
4. Cổ phiếu quỹ						
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản						
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái						
7. Quỹ đầu tư phát triển						
8. Quỹ dự phòng tài chính						
9. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu						
10. Lợi nhuận chưa phân phối	(6.885.121.870)	(6.983.185.894)	(694.721.866)	98.064.024	(7.579.843.736)	(6.885.121.870)
Cộng	30.114.878.130	30.016.814.106	(694.721.866)	98.064.024	29.420.156.264	30.114.878.130

Người lập bảng

Trương Thị Huyền

Kế toán trưởng

Trương Thị Huyền

TP.HCM, ngày 02 tháng 03 năm 2020

Tổng Giám đốc



Kim Kwang Hyuk

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thăng Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tên giao dịch quốc tế là THANG LONG FUND MANAGEMENT JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là TLC. Công ty thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 43/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11/11/2008.

Vốn Điều lệ của Công ty theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 43/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11/11/2008 và Giấy phép điều chỉnh số 02/GPĐC-UBCK ngày 16/01/2015 là: 37.000.000.000 VND.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán; Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

4. Tổng số nhân viên

Đến ngày 31/12/2019, tổng số nhân viên của Công ty là 11 người, trong đó:

Nhân viên quản lý:	1 người
Tuyển dụng mới:	8 người
Chuyển công tác:	11 người
Kỳ luật:	0 người

Danh sách nhân viên công ty đã qua kỳ thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ:

1. Ông Kim Kwang Hyuk
2. Ông Nguyễn Hồ Nam
3. Ông Đinh Hoài Châu
4. Bà Thái Linh
5. Bà Đỗ Thị Tuyết Mai
6. Ông Nguyễn Đăng Duy
7. Ông Lê Khánh An
8. Bà Lê Thị Thương Thương
9. Bà Trần Ngọc Hân

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THĂNG LONG

Địa chỉ: L14 – 08B, Tầng 14, Trung tâm Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND),

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Chế độ kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các văn bản, thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung, thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Bộ Tài chính đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại của tài sản cố định cố định. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào điều kiện hoạt động như dự định. Những chi phí mua sắm, cải tiến và tân trang được chuyển hóa thành tài sản cố định, còn những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và hao mòn lũy kế được khóa sổ và bất kỳ các khoản lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, tuân thủ theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính và các văn bản bổ sung sửa đổi.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Chứng khoán quản lý hộ khách hàng là hoạt động quản lý danh mục đầu tư là các chứng khoán thuộc sở hữu của khách hàng theo hợp đồng quản lý danh mục đầu tư. Mọi rủi ro và lợi nhuận liên quan đến các chứng khoán này đều thuộc khách hàng. Do vậy chứng khoán này được ghi nhận ngoài bảng Cân đối kế toán.

Chứng khoán do Công ty tự doanh sẽ được theo dõi và ghi nhận theo phương pháp giá gốc, trong đó:

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán

Dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện vào thời điểm cuối kỳ khóa sổ lập báo cáo tài chính, đây là số chênh lệch (giảm đi) giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán so với giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

6. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, và chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

11. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	-	192.165.309
Tiền gửi ngân hàng	28.976.514.899	4.923.028.974
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	28.976.514.899	5.115.194.283

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng CP	Giá trị	Số lượng CP	Giá trị
Chứng khoán kinh doanh		1.168.696		24.001.168.696
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>		<i>1.168.696</i>		<i>1.168.696</i>
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Xây dựng DIG	6	415.956	6	415.956
Công ty FPT	3	206.180	3	206.180
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen	13	142.122	12	142.122
Công ty vàng bạc Phú Nhuận	17	404.438	13	404.438
<i>Đầu tư trái phiếu</i>	-	-		<i>24.000.000.000</i>
Trái phiếu Công ty Cổ phần Xây dựng 9.2 Hà Nội	-	-	24	24.000.000.000
<i>Đầu tư ngắn hạn khác</i>	-	-	-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(478.538)		(466.538)
Cộng		690.158		24.000.702.158

3. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu Trái tức của Cổ phần Công ty Cổ phần Xây dựng 9.2 Hà Nội	-	1.717.583.332
Cộng	-	1.717.583.332

4. Trả trước cho người bán

5. Phải thu hoạt động nghiệp vụ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và công ty đầu tư chứng khoán		
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	-	106.400.000
<i>Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vinapros</i>	-	106.400.000
Phải thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán		
Dự phòng các khoản phải thu quá hạn, khó đòi	-	-
Cộng	-	106.400.000

6. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tạm ứng công tác	-	47.424.000
- Đặt cọc tiền thuê văn phòng	449.584.404	-
Cộng	449.584.404	47.424.000

7. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình			
Số dư đầu năm	67.021.800	59.990.699	127.012.499
Số tăng trong kỳ			
Giảm thanh lý	(67.021.800)	(59.990.699)	(127.012.499)
Số dư cuối kỳ	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	67.021.800	59.990.699	127.012.499
Giảm thanh lý	(67.021.800)	(59.990.699)	(127.012.499)
Số dư cuối kỳ	-	-	-
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình			
Tại ngày đầu năm	-	-	-
Tại ngày cuối năm	-	-	-

8. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình		
Số dư đầu năm	96.081.549	96.081.549
Giảm thanh lý	(96.081.549)	(96.081.549)
Số dư cuối kỳ	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	96.081.549	96.081.549
Giảm thanh lý	(96.081.549)	(96.081.549)
Số dư cuối kỳ	-	-
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình		
Tại ngày đầu năm	-	-
Tại ngày cuối năm	-	-

9. Đầu tư tài chính dài hạn khác

10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng		6.363.636		6.363.636
Thuế thu nhập doanh nghiệp	26.887.659	-	26.887.659	-
Thuế thu nhập cá nhân	57.380.027	30.004.394	85.121.173	2.263.248
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	84.267.686	39.368.030	115.008.832	8.626.884

11. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuê văn phòng		228.000.000
Chi phí tham vấn luật sư		60.000.000
Chi phí kiểm toán	30.000.000	129.000.000
Cộng	30.000.000	417.000.000

12. Phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả BHXH, BHYT	4.674.306	12.627.957
Phải trả tiền mượn cá nhân	3.000.693	25.130.000
Cộng	7.674.999	37.757.957

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

13. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu từ phí quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	-	166.666.666

14. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Chi phí hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	-	92.757.662

15. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.300.203	6.690.862
Thu nhập từ hoạt động đầu tư, mua bán chứng khoán	1.077.077.896	1.551.250.000
Cộng	1.085.378.099	1.557.940.862

16. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán lỗ trái phiếu 9.2	7.604.924	
Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	12.000	90.402

17. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương bộ phận quản lý	926.560.394	1.093.668.181
Chi phí dịch vụ mua ngoài	862.433.649	403.653.987
Chi phí khác	68.680.745	9.486.613
Hoàn nhập chi phí dự phòng năm trước		
Cộng	1.857.674.788	1.506.808.781

18. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(694.721.866)	124.951.683
- Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN		
+ Các khoản điều chỉnh tăng	57.132.471	9.486.613
+ Các khoản điều chỉnh giảm		
- Tổng thu nhập chịu thuế	(637.589.395)	134.438.296
+ Thu nhập miễn thuế		
+ Chuyển lỗ được kết chuyển		
- Tổng Thu nhập tính thuế	(637.589.395)	134.438.296
- Thuế TNDN hiện hành	-	26.887.659
+ Thuế TNDN theo thuế suất thông thường	-	26.887.659
+ Thuế TNDN được miễn, giảm		
+ Thuế TNDN bị truy thu		

19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(694.721.866)	98.064.024
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.700.000	3.700.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(188)	27

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

20. Thông tin về các bên liên quan

20.1 Giao dịch với các bên liên quan

Đối tượng	Quan hệ với Công ty	Giao dịch	Năm nay	Năm trước
Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát	Ban điều hành	Thu nhập từ lương, thưởng, phụ cấp	219.486.320	328.104.737

20.2 Số dư với các bên liên quan

Đối tượng	Quan hệ với Công ty	Nội dung	Số cuối năm	Số đầu năm
Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát	Ban điều hành		-	

21. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác

22. Số liệu so sánh

Là số liệu lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam.

23. Sự kiện phát sinh sau ngày Kết thúc niên độ

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính này đòi hỏi cần được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Người lập bảng



Trương Thị Huyền

Kế toán trưởng



Trương Thị Huyền

TP.HCM, ngày 02 tháng 03 năm 2020

Tổng Giám đốc




Kim Kwang Hyuk